

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-02-2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đàm

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Nhi Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố Hồng P, phường Hồng H, thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Lee JongM, sinh năm 1972

Quốc tịch: Hàn Quốc; hộ chiếu số: M01537601; ngày cấp 06-04-2015; có giá trị đến 06-04-2025; nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

Địa chỉ: Số 890, Bongsan-d, Yuseong-g, Daej, Korea, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13-02-2023, Bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn Bà Hoàng Nhi Q trình bày:

Bà Hoàng Nhi Q kết hôn với Ông Lee JongM có quốc tịch Hàn Quốc vào ngày 22-5-2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở

tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng thuê nhà ở cùng nhau tại xã Tăng T, huyện Việt Y, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam từ tháng 5-2019 đến tháng 01-2020 thì Ông Lee JongM quay trở về Hàn Quốc làm việc. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, vợ chồng ít liên lạc với nhau và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng với Ông Lee JongM không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Lee JongM.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản uỷ thác tư pháp về dân sự số: 05/TTTPDS-TA63 ngày 21-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã uỷ thác cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt giấy tờ và lấy lời khai của Ông Lee JongM, trong đó có thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Tòa án không nhận được Bản tự khai hoặc Biên bản lấy lời khai cùng tài liệu, chứng cứ của Ông Lee JongM. Do vậy, Tòa án xác định đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Đến ngày 11-12-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái nhận được Văn bản số: 3147/BTP-PLQT ngày 30-11-2023 của Bộ Tư pháp thông báo về kết quả uỷ thác tư pháp. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được uỷ thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái do địa chỉ không chính xác. Sau khi nhận được Thông báo nêu trên, Tòa án đã thông báo cho bà Q biết về kết quả thực hiện uỷ thác và yêu cầu bà Q cung cấp địa chỉ chính xác của Ông Lee JongM, nhưng bà Q không thể cung cấp được mặc dù bà đã tìm kiếm nhiều lần. Ngày 20-12-2023, bà Q làm đơn đề nghị Tòa án thông báo thông tin vụ án trên kênh dành cho người nước ngoài của Đài Phát thanh Trung ương 03 lần trong 03 ngày liên tiếp.

Căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án vắng mặt Ông Lee JongM theo quy định chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; thụ lý, lập hồ sơ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 180, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận: Bà Hoàng Nhi Q được ly hôn Ông Lee JongM. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Q phải chịu án phí dân sự ly hôn, lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và lệ phí đăng thông tin vụ án, thông tin bản án qua kênh dành cho người nước ngoài.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã uỷ thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp nhưng không có kết quả, do địa chỉ của bị đơn không chính xác, Tòa án đã thông báo qua kênh người nước ngoài của Đài Phát thanh Trung ương 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày đăng thông báo Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của Bà Hoàng Nhi Q:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Nhi Q kết hôn Ông Lee JongM ngày 22-5-2019 tại Ủy ban nhân dân thành phố Yên B, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà Q và Ông Lee JongM chung sống tại Việt Nam được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do Ông Lee JongM quay trở về Hàn Quốc sinh sống và làm việc, bà Q và Ông Lee JongM lại ít liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng trở nên xa cách, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Lee JongM. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa Bà Hoàng Nhi Q và ông Lee JongM không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Bà Hoàng Nhi Q được ly hôn Ông Lee JongM.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Hoàng Nhi Q phải chịu án phí ly hôn và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 180, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 1 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Nhi Q được ly hôn Ông Lee JongM.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí: Bà Hoàng Nhi Q phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003345 ngày 06-3-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Bà Q đã nộp đủ án phí.

2.2. Về chi phí tố tụng:

- Bà Hoàng Nhi Q phải chịu 3.400.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm ngàn đồng*) chi phí, lệ phí uỷ thác ra nước ngoài nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 3.400.000 đồng đã nộp theo các Biên lai thu số: AA/2022/0001414, số AA/2022/0001415 và số AA/2022/0001416 đều cùng ngày 25-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Bà Q đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Bà Q phải chịu 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) lệ phí đăng thông tin qua kênh dành cho người nước ngoài (Theo các Phiếu thu của Ban Đối ngoại VOV5 - Đài tiếng nói Việt Nam). Bà Q đã nộp đủ lệ phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn Bà Hoàng Nhi Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; bị đơn Ông Lee JongM được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TANDTC;
- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- UBND thành phố Yên B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Lan

